TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 37/2019/HNG§-ST
Ngµy 02 -10-2019
V/v "TrA chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim OA
2. Ông Nguyễn Lâm Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về TrA chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Hoàng Ngọc G, sinh năm 1996 (có mặt)*

** Bị đơn: A Trần Văn A, sinh năm 1995 (vắng mặt)*

Đều cư trú: Thôn Châu, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/6/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hoàng Ngọc G trình bày:

Chị và A Trần Văn A kết hôn ngày 09/4/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và A A về chung sống với nhau ở thôn Châu, xã Cao Xá. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và A A chơi bời, không chịu làm ăn, bị nghiện, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 10/2018 thì vợ chồng ly thân nhau và không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn A Trần Văn A.

Về con chung: Chị G xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 03/5/2016. Hiện con chung đang ở với ông bà nội. Ly hôn, vợ chồng chị tự thỏa thuận về con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng cA tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: Chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với A A. Về con chung: Chị G xác định vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Chí H, sinh ngày 03/5/2016, ly hôn vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng cA tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với A Trần Văn A là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, niêm yết các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án A A đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho A A về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng A A không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay A Trần Văn A vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Hoàng Ngọc G chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn A Trần Văn A không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Ngọc G được ly hôn với A Trần Văn A.

Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng cA tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị G xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Ngọc G phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án trA chấp hôn nhân gia đình giữa chị G và A A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: A Trần Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt A Trần Văn A.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Ngọc G, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Hoàng Ngọc G và A Trần Văn A xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Xá, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị G và A A sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và A A chơi bời, không chịu làm ăn, bị nghiện, vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng chị G, A A đã ly thân nhau từ tháng 10/2018 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay chị G đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với A A.

Tại biên bản làm việc với ông Trần Văn Nhuận là bố đẻ A A cũng xác nhận vợ chồng chị G và A A có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã động viên, tìm cách khắc phục mâu thuẫn của chị G, A A nhưng không thành. Từ tháng 10/2018 cho đến nay A A, chị G ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn của A A và chị G đã trầm trọng. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị G và A A là do trong cuộc sống bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân nhau từ cuối năm 2018. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và A A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay chị G xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng cA tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Ngọc G được ly hôn với A Trần Văn A.

[2] Về con chung: Chị G xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng cA tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Hoàng Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0005842 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Hoàng Ngọc G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Cao Xá;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân